

CHÍNH PHỦ
Số: 40/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về kinh doanh vận tải biển của công ty, doanh nghiệp tư nhân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Luật công ty ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật công ty ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nghị định này quy định các điều kiện, thủ tục cấp phép kinh doanh vận tải biển cho công ty, doanh nghiệp tư nhân và các điều kiện, thủ tục cấp phép hoạt động vận tải trên các tuyến hàng hải cho tàu biển Việt Nam thuộc sở hữu tư nhân Việt Nam.

Điều 2. Tàu biển Việt Nam thuộc sở hữu tư nhân Việt Nam quy định tại Nghị định này, sau đây gọi tắt là "tàu biển tư nhân", là tàu biển thuộc sở hữu của công ty, doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo Luật công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân, đã được đăng ký vào "Sổ đăng ký tàu biển quốc gia".

Điều 3. Tàu biển tư nhân có đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia đều có thể được cấp phép hoạt động vận tải trên các tuyến hàng hải.

Điều 4. Tuyến hàng hải nói tại Điều 3 Nghị định này bao gồm tuyến hàng hải nội địa và tuyến hàng hải quốc tế:

1- Tuyến hàng hải nội địa là tuyến hàng hải từ một cảng biển hoặc một cảng đường thủy nội địa Việt Nam đến một cảng biển khác của Việt Nam hoặc ngược lại.

2- Tuyến hàng hải quốc tế là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến cảng biển của nước ngoài và được phân định cụ thể như sau:

a) Tuyến hàng hải quốc tế ven biển là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến cảng biển thuộc tỉnh Quảng Tây Trung Quốc hoặc đến cảng biển của Cam-pu-chia.

b) Tuyến hàng hải quốc tế gần là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến cảng biển các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á, ngoài các cảng biển quy định tại điểm 2.a, khoản 2 Điều này.

c) Tuyến hàng hải quốc tế viễn dương là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến cảng biển của tất cả các nước trên thế giới, ngoài các cảng biển quy định tại điểm 2.a và 2.b, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Công ty, doanh nghiệp tư nhân được phép kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải nội địa, khi có đủ các điều kiện sau:

1- Có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Công ty hoặc Luật Doanh nghiệp tư nhân;

2- Có số vốn pháp định ít nhất là 2 (hai) tỷ đồng Việt Nam;

3- Người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh phải bảo đảm các điều kiện nghiệp vụ chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, ít nhất phải tốt nghiệp trung học chuyên ngành hàng hải, có thâm niên công tác trong ngành vận tải biển từ 3 (ba) năm trở lên;

4- Kế toán trưởng phải bảo đảm các điều kiện nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Tài chính;

5- Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), nơi công ty, doanh nghiệp có trụ sở chính có văn bản đề nghị Bộ Giao thông vận tải chấp thuận việc cấp phép kinh doanh vận tải biển.

Điều 6. Công ty, doanh nghiệp tư nhân được phép kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải quốc tế khi có đủ các điều kiện sau:

1- Có đủ các điều kiện theo quy định của Luật công ty hoặc Luật Doanh nghiệp tư nhân;

2- Có số vốn pháp định ít nhất là 5 tỷ đồng Việt Nam đối với tuyến hàng hải quốc tế ven biển, 10 tỷ đồng Việt Nam đối với tuyến hàng hải quốc tế gần và 15 tỷ đồng Việt Nam đối với tuyến hàng hải quốc tế viễn dương;

3- Người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh phải bảo đảm các điều kiện nghiệp vụ chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, ít nhất phải tốt nghiệp trung học chuyên ngành hàng hải, đối với tuyến hàng hải quốc tế ven biển, đại học hàng hải, đối với tuyến hàng hải quốc tế gần và tuyến hàng hải quốc tế viễn dương, có thâm niên công tác trong ngành vận tải biển từ 5 (năm) năm trở lên, có trình độ tiếng Anh cần thiết cho hoạt động kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải quốc tế;

4- Kế toán trưởng phải bảo đảm các điều kiện nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Tài chính, có trình độ tiếng Anh cần thiết cho hoạt động nhiệm vụ kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải quốc tế;

5- Được ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty, doanh nghiệp có trụ sở chính có văn bản đề nghị Bộ Giao thông vận tải chấp thuận việc cấp phép kinh doanh vận tải biển.

Điều 7. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định việc cấp phép cho công ty, doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải quốc tế.

Điều 8. Việc thành lập doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển được thực hiện theo trình tự sau:

1- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ của đương sự xin kinh doanh vận tải biển theo quy định của pháp luật;

2- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải kèm theo hồ sơ của đương sự;

3- Hồ sơ phải có đủ bản sao các văn bằng, chứng chỉ quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 Nghị định này;

4- Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập doanh nghiệp. Nếu không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do;

5- Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép thành lập công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân. Công ty, doanh nghiệp